

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 01 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Trung Trực.

2. Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 564/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Quách Hòa T, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Ngô Hồng L, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Quách Hòa T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Ngô Hồng L chung sống với nhau từ năm 1991, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thời gian gần đây do kinh tế gia đình không ổn định nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà L đi làm ăn xa về hay cự cãi với ông nhiều lần rồi bỏ đi, do vậy ông nhận thấy hôn nhân giữa ông với bà L không thể hạnh phúc được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung gồm: Quách Diễm M, sinh năm 1991; Quách Diễm H, sinh năm 1993; Quách Diễm D, sinh năm 1997. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Ngô Hồng L: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà L không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông T và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Quách Hồng L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo ông T, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông, bà bất đồng quan điểm, bà L đi làm ăn xa về hay cự cãi với ông nhiều lần rồi bỏ đi, do vậy ông nhận thấy hôn nhân giữa ông với bà L không thể hạnh phúc được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ông T xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Ông, bà có 03 con chung gồm: Quách Diễm M, sinh năm 1991; Quách Diễm H, sinh năm 1993; Quách Diễm D, sinh năm 1997, hiện nay các con chung của ông, bà đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông T xác định tự thỏa thuận; về nợ chung: Ông T xác định không có, bà L không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Quách Hòa T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Quách Hòa T và bà Ngô Hồng L là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Quách Hòa T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011568 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

